

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HS-PT

Ngày: 09-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh; Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo L.C.T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **L.C.T**, sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp HN, xã TH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: chăn nuôi thú y; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L.V.T và bà P.T.H; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lý do chính đáng”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông luật sư L.N.H – Văn phòng luật sư HG thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L.C.T là thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự. Vào ngày 22/01/2019, Ban chỉ huy Quân sự huyện Ba Tri có ban hành Lệnh gọi công dân

nhập ngũ số: 66/LNN đối với L.C.T, Trục có nhận Lệnh gọi nhập ngũ và biết rõ thời gian địa điểm nhập ngũ vào ngày 18/02/2019. Đến ngày 18/02/2019 tập trung thì Trục bỏ lên Thành phố Hồ Chí Minh nhằm trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ quân sự theo Lệnh gọi nhập ngũ nên đã bị Chủ tịch UBND xã TH ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPVPHC ngày 13/03/2019 xử phạt về hành vi “không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lý do chính đáng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số: 120/2013/NĐ - CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

Đến năm 2020, Trục tiếp tục trốn tránh nghĩa vụ quân sự, Ban chỉ huy Quân sự huyện Ba Tri đã ban hành Lệnh gọi công dân nhập ngũ số 48/LNN ngày 14/01/2020, cha của Trục là ông L.V.T kiên quyết không nhận Lệnh gọi nhập ngũ thay Trục. Ngày 21/01/2020, Ban chỉ huy Quân sự xã TH cùng Ban ngành đoàn thể áp đến nhà L.C.T tiến hành làm việc với gia đình, thông qua Lệnh, gọi nhập ngũ cho L.C.T và gia đình cùng nghe nhưng L.C.T kiên quyết không nhận Lệnh gọi nhập ngũ. Dù biết rõ thời gian và địa điểm tập trung để nhập ngũ, nhưng đến ngày 10/02/2020 L.C.T vẫn không có mặt tại UBND xã TH để nhập ngũ theo Lệnh gọi công dân nhập ngũ đối với L.C.T. Đến ngày 04/6/2020, UBND xã TH có văn bản kiến nghị khởi tố hình sự đối với L.C.T về “Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo L.C.T phạm “Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 332; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L.C.T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2020, bị cáo L.C.T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 332; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L.C.T 01 (một) năm tù về “Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự”.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Theo quy định của Bộ luật Hình sự thì “Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự” có khung hình phạt từ 03 tháng đến 03 năm tù.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình tạo ra thu nhập nuôi dưỡng cha mẹ già đang bị bệnh. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm là quá nặng. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức án đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo lo cho cha mẹ già đang bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân và hành vi của bị cáo L.C.T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lý do chính đáng” lại tiếp tục không thực hiện nghiêm chỉnh lệnh gọi nhập ngũ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 332 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo Tâm là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, khách thể của tội phạm mà bị cáo xâm phạm là trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, vi phạm nghĩa vụ của một công dân đối với đất nước nên cần phải xử nghiêm minh để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định mới đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Do đó, kháng cáo của bị cáo và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 01 năm tù là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 332; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.C.T 01 (một) năm tù về “Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo L.C.T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (3b);
- VKSND huyện Ba Tri (1b);
- Công an huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã TH, h. Ba Tri (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn